

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 18 - 3 - 2019
V/v: *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA ,TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 713/2018/TLST – DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2019/QĐXXST – DS, ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Số 89, đường Láng H, phường Láng H, quận ĐĐ, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đăng ký hoạt động chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh do ông Lê Hiền Th – Trưởng phòng thu hồi nợ của Ngân hàng đại diện.

Địa chỉ: Số 165-167-169, đường Hàm Ng, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tầng 2, số 296, đường Phan Xích L, Phường 7, quận Phú Nh, Thành phố H. (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2018).

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Bình Th, xã Hòa Khánh Đ, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Chị Tiền xin vắng mặt; Chị N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Kim T đại diện cho Ngân hàng trình bày:

Ngày 22/11/2014, Ngân hàng có cho chị Phan Thị Tuyết N vay số tiền là 21.000.000đ, với lãi suất cho vay là 3,75%/tháng, hình thức vay là vay trả chậm trong hạn 24 tháng theo hợp đồng tín dụng số 20141129-802005-0007. Theo hợp đồng thì chị N phải trả cả tiền gốc lẫn tiền lãi là 32.206.000đ. Thực hiện hợp đồng, chị N trả được 03 lần với số tiền 8.000.000đ và đến ngày 19/5/2018 thì không trả bất kỳ khoản nào. Nay chị Tiền đại diện cho Ngân hàng yêu cầu chị N trả số tiền là 24.206.000đ. Trong đó nợ gốc là 13.000.000đ, tiền lãi là 11.206.000đ. Ngoài ra, chị Tiền không có yêu cầu gì khác

Đối với chị Phan Thị Tuyết N, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị N không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của chị N về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Bị đơn chị Phan Thị Tuyết N có hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Th, xã Hòa Khánh Đ, huyện ĐH, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T xin vắng mặt; Bị đơn chị Phan Thị Tuyết N vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và chị N.

[2] Về nội dung vụ án: Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 20141129-802005-0007 ngày 22/11/2014, xác định chị N có vay của Ngân hàng số tiền là 21.000.000đ với lãi suất cho vay là 3,75%/tháng và theo Hợp đồng thì chị N phải trả cả vốn lẫn lãi số tiền 32.206.000đ, hình thức vay là vay trả chậm trong hạn 24 tháng. Thực hiện hợp đồng, chị N có trả được 03 lần với số tiền 8.000.000đ và đến ngày 19/5/2018 thì không trả bất kỳ khoản nào. Nay chị Tiền đại diện cho Ngân hàng yêu cầu chị N trả số tiền là 24.206.000đ. Trong đó nợ gốc là 13.000.000đ, tiền lãi là 11.206.000đ. Xét thấy việc chị N nợ tiền Ngân hàng đã lâu mà không có thiện chí trả nợ nên Hội

đồng xét xử xét thấy cần thiết phải buộc chị N trả cho Ngân hàng số tiền số tiền 24.206.000đ. Trong đó nợ gốc là 13.000.000đ, tiền lãi là 11.206.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011.

[4] Về án phí trong vụ án: Buộc chị Phan Thị Tuyết N phải chịu theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 144, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 424, Điều 427, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với chị Phan Thị Tuyết N.

Buộc chị Phan Thị Tuyết N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV số tiền 24.206.000đ. Trong đó nợ gốc là 13.000.000đ, tiền lãi là 11.206.000đ.

Kể từ ngày 19/3/2019 cho đến khi chị N thanh toán xong số tiền trên, chị N còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 20141129-802005-0007 ngày 22/11/2014 cho đến khi chị N trả hết nợ.

Về án phí: Buộc chị Phan Thị Tuyết N phải chịu 1.210.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV số tiền 605.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu 3916 ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án này là sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An.

-VKSNĐ huyện Đức Hòa.

-Các đương sự

-Chi cụcTHA.

-Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp